

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-6-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha.

Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bích T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Danh Thạch Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Bích T trình bày: Chị và anh Danh Thạch Th tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan

điểm, thường hay cự cãi và không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên tự sống riêng với nhau, do điều kiện không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung của chị và anh Th có một người tên Danh Khánh Đ, sinh ngày 14/02/2006 hiện đang ở cùng chị, sau khi ly hôn chị chấp nhận để anh Th nuôi con vì con có nguyện vọng ở với anh Th.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi làm ăn xa, đi lại khó khăn nên chị đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Ý kiến anh Danh Thạch Th: Anh và chị Trần Bích T kết hôn vào năm 2005 là đúng, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày, do tính tình không hợp nhau nên anh chấp nhận ly hôn cùng chị T.

Về con chung của anh và chị T có một người như chị T trình bày, sau khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai thì người đó nuôi, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác và đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Đối với Danh Khánh Đ là con chung của chị T và anh Th có nguyện vọng ở cùng anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Bích T được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Bích T và anh Danh Thạch Th có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th được xác lập vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy

ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị T và anh Th chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân chị T và anh Th đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh Th có một người con chung, sau khi ly hôn anh Th xác định con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi trong khi đó chị T thống nhất để anh Th nuôi con, thực tế con chung của anh chị có nguyện vọng ở cùng anh Th, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho anh Th nuôi, con đang ở cùng chị T nên chị T có nghĩa vụ giao con cho anh Th. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Trần Bích T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Bích T ly hôn với anh Danh Thạch Th.

Về con chung: Anh Th nuôi con tên Danh Khánh Đ, sinh ngày 14/02/2006, con đang ở cùng chị T nên buộc chị T có nghĩa vụ giao con tên Danh Khánh Đ cho anh Th nuôi, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Th.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và Th có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Bích T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004723 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải